

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)
Ông Vũ Quang Dũng	Thành viên
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên
Bà Thái Việt Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Anh	Giám đốc
Ông Bùi Đình Trung	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: *GH* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí (“Dự án”) không được phê duyệt quyết toán với số tiền 4.648.717.816 VND được trình bày vào khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí khác” trong năm. Nếu hạch toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí khác” trong năm thì khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm cùng một số tiền là 4.648.717.816 VND. Đồng thời, khoản mục “Chi phí khác” và khoản mục “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ lần lượt tăng, giảm với cùng một số tiền.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” và khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm khoản phải thu khách hàng và tạm ứng cho nhân viên với tổng số tiền là 1.684.746.600 VND và đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, khoản phải thu ngắn hạn khác và khoản dự phòng cần trích lập hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (“PVC Hà Nội”) theo hợp đồng kinh tế là 1.864.410.134 VND và đã quá hạn thanh toán. Tại ngày phát hành báo cáo này, PVC Hà Nội không xác nhận số dư khoản phải trả Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.864.410.134 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1415-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.477.426.461	58.774.874.868
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.130.971.520	21.340.556.155
1. Tiền	111		8.230.971.520	1.340.556.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.900.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.401.443.959	32.977.440.075
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.670.459.091	30.661.189.920
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		484.262.000	1.466.781.882
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.871.906.418	3.072.084.792
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.625.183.550)	(2.222.616.519)
III. Hàng tồn kho	140	9	6.305.615.403	3.578.098.908
1. Hàng tồn kho	141		6.305.615.403	3.578.098.908
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		639.395.579	878.779.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	445.677.034	370.836.270
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	193.718.545	507.943.460
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.606.742.719	26.164.233.147
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.154.339.800	184.004.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.154.339.800	184.004.800
II. Tài sản cố định	220		95.837.724	380.515.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	95.837.724	380.515.154
- Nguyên giá	222		6.713.240.354	6.658.160.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.617.402.630)	(6.277.645.200)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		576.586.085	576.586.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(576.586.085)	(576.586.085)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.648.717.816	24.631.310.413
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.648.717.816	24.631.310.413
IV. Tài sản dài hạn khác	260		707.847.379	968.402.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	707.847.379	968.402.780
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		60.084.169.180	84.939.108.015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.546.444.949	46.631.793.097
I. Nợ ngắn hạn	310		19.546.444.949	28.811.793.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.284.152.615	23.640.228.978
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.000.000	235.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	262.416.133	741.007.492
4. Phải trả người lao động	314		1.248.037.490	872.557.612
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.261.068.626	2.229.184.545
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		198.010.612	247.726.421
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	245.690.485	766.658.339
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.068.988	78.929.710
II. Nợ dài hạn	330		-	17.820.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	17.820.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.537.724.231	38.307.314.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	40.537.724.231	38.307.314.918
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.352.900.000	42.352.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.352.900.000	42.352.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		693.848.548	629.057.511
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.600.139	448.600.139
4. Lỗ lũy kế	421		(2.957.624.456)	(5.123.242.732)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.188.033.769)	(6.419.063.477)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.230.409.313	1.295.820.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		60.084.169.180	84.939.108.015



Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	70.852.967.177	71.460.769.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	69.024.598
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		70.852.967.177	71.391.745.030
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		54.763.947.570	54.634.734.957
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.089.019.607	16.757.010.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	891.248.654	1.117.676.021
7. Chi phí tài chính	22		-	94.543.376
8. Chi phí bán hàng	25	23	1.432.055.641	2.077.626.883
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.629.283.309	14.075.376.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.918.929.311	1.627.139.707
11. Thu nhập khác	31		4.318.182	1.909.091
12. Chi phí khác	32		186.225.543	333.228.053
13. Lãi khác (40=31-32)	40		(181.907.361)	(331.318.962)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.737.021.950	1.295.820.745
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	506.612.637	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.230.409.313	1.295.820.745
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			306


Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


MÃ SỐ B 03-DN

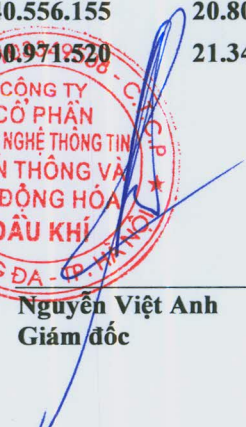
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.737.021.950	1.295.820.745
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	339.757.430	701.714.190
Các khoản dự phòng	03	555.404.694	1.183.425.088
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(891.248.654)	(1.117.676.021)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.740.935.420	2.063.284.002
Thay đổi các khoản phải thu	09	11.423.202.430	(12.308.059.136)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.727.516.495)	(1.897.693.166)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.771.960.785)	11.243.650.691
Thay đổi chi phí trả trước	12	185.714.637	380.089.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(65.212.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.850.375.207	(583.941.236)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(55.080.000)	(35.536.364)
2. Thu lãi tiền gửi	27	995.120.158	1.151.502.810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	940.040.158	1.115.966.446
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.790.415.365	532.025.210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.340.556.155	20.808.530.945
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	24.130.971.520	21.340.556.155


Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Anh
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 9 năm 2014.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 89 người (31 tháng 12 năm 2014: 91 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết:
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết:
 - Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết (Tiếp theo):
 - Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;
 - Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: nghiên cứu, tư vấn, thăm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Chi nhánh

Công ty có 01 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng trong vòng 2 - 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	449.479.890	462.195.185
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.781.491.630	878.360.970
Các khoản tương đương tiền (i)	15.900.000.000	20.000.000.000
	<u>24.130.971.520</u>	<u>21.340.556.155</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 6 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng mua hàng hóa.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.901.441.386	2.414.792.178
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	3.619.507.297	4.585.937.572
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	3.033.131.940	7.592.479.424
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Doanh nghiệp FPT	2.567.870.250	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (a)	1.864.410.134	1.864.410.134
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (b)	578.250.750	578.250.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (c)	890.746.600	1.050.746.600
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	189.529.860	4.103.588.190
Các khách hàng khác	4.025.570.874	8.470.985.072
	<u>20.670.459.091</u>	<u>30.661.189.920</u>
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>7.936.986.868</i>	<i>19.671.031.678</i>

- a. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng “Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc” là 1.864.410.134 VND và đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khoản phải thu trên với số tiền 1.864.410.134 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

- b. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư phải thu Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai theo Hợp đồng “Tur vấn quản lý dự án Công trình trạm nghiền Xi măng Công Thanh” là 578.250.750 VND và đã quá hạn thanh toán. Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai đã ký cam kết thanh toán số nợ đã quá hạn trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 500 triệu VND của khoản công nợ quá hạn này từ Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi bằng 100% giá trị khoản phải thu trên với số tiền 578.250.750 VND. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như vậy không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.
- c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC theo hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh là 890.746.600 VND và đã quá hạn thanh toán. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC đã ký cam kết thanh toán số nợ trong vòng 03 năm. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC đã thanh toán một phần công nợ nhưng không bằng số tiền cam kết theo thỏa thuận. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng cho nhân viên (i)	1.390.006.900	1.536.196.900
Ký cược, ký quỹ (ii)	161.530.593	1.300.054.536
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.646.068.395	-
Phải thu khác	674.300.530	235.833.356
	<u>3.871.906.418</u>	<u>3.072.084.792</u>
<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>1.646.068.395</i>	-
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ (ii)	1.154.339.800	184.004.800
	<u>1.154.339.800</u>	<u>184.004.800</u>

(i) Bao gồm một số khoản tạm ứng cho nhân viên tồn đọng trong thời gian dài với số tiền là 794.000.000 VND. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng, cũng như đã thực hiện các thủ tục thu hồi tích cực và tin tưởng rằng các khoản chi phí liên quan đến khoản tạm ứng cho nhân viên này đều phục vụ cho các hoạt động của Công ty, không có khoản tạm ứng nào có dấu hiệu không thu hồi hoặc không thực hiện hoàn ứng được. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản tạm ứng cho nhân viên nêu trên.

(ii) Phản ánh các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện các hợp đồng và thuê văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Phải thu khó có khả năng thu hồi						
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.134	-	Trên 03 năm	1.864.410.134	372.882.027	Từ 02 đến 03 năm
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	578.250.750	-	Trên 03 năm	578.250.750	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Năng lượng Công nghệ	365.045.333	182.522.667	Từ 01 đến 02 năm	250.380.899	250.380.899	Dưới 06 tháng
Công ty Cổ phần Liên Minh	-	-		152.837.662	-	
	2.807.706.217	182.522.667		2.845.879.445	623.262.926	

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.136.772.410	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.168.842.993	-	3.578.098.908	-
	6.305.615.403	-	3.578.098.908	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	348.377.400	328.563.000
Chi phí thuê mặt bằng	97.299.634	42.273.270
	<u>445.677.034</u>	<u>370.836.270</u>
Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	361.201.546	344.029.825
Chi phí trả trước dài hạn khác	346.645.833	624.372.955
	<u>707.847.379</u>	<u>968.402.780</u>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	5.234.124.634	1.307.136.364	116.899.356	6.658.160.354
Mua sắm mới	55.080.000	-	-	55.080.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>5.289.204.634</u>	<u>1.307.136.364</u>	<u>116.899.356</u>	<u>6.713.240.354</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	5.027.813.069	1.137.263.036	112.569.095	6.277.645.200
Trích khấu hao trong năm	193.151.366	146.606.064	-	339.757.430
Phân loại lại	(5.781.166)	1.450.905	4.330.261	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>5.215.183.269</u>	<u>1.285.320.005</u>	<u>116.899.356</u>	<u>6.617.402.630</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	<u>74.021.365</u>	<u>21.816.359</u>	<u>-</u>	<u>95.837.724</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>206.311.565</u>	<u>169.873.328</u>	<u>4.330.261</u>	<u>380.515.154</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.730.091.024 VND (31 tháng 12 năm 2014: 3.905.754.630 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm vi tính</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	576.586.085
Tại ngày 31/12/2015	<u>576.586.085</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	576.586.085
Tại ngày 31/12/2015	<u>576.586.085</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	237.119.659	164.853.403	121.452.289	193.718.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.823.801	270.823.801	-	-
	507.943.460	435.677.204	121.452.289	193.718.545
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	731.055.675	2.176.722.728	2.907.778.403	-
- Thuế GTGT đầu ra	731.055.675	1.838.121.782	2.569.177.457	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	338.600.946	338.600.946	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.952.084	5.952.084	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	235.788.836	-	235.788.836
Các loại thuế khác	9.951.817	115.389.407	98.713.927	26.627.297
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.951.817	111.389.407	94.713.927	26.627.297
	741.007.492	2.533.853.055	3.012.444.414	262.416.133

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí (“Dự án”) theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 VND. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có biên Bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 VND. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 VND.

Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 VND; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 VND thuộc trách nhiệm chung của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn đang theo dõi phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với số tiền là 4.648.717.816 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải pháp Công nghệ Cuộc sống	1.608.420.800	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Minh Anh Specialised Products	1.311.876.585	-
Ingram Micro Asia Ltd.	1.128.953.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam	-	6.300.000.000
Các đối tượng khác	-	2.627.296.480
	12.234.902.230	14.712.932.498
	16.284.152.615	23.640.228.978
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>225.183.919</i>	<i>761.313.652</i>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí dự án Lam Kinh	250.100.000	250.100.000
Tạm tính khối lượng hoàn thành dự án công thông tin PVN	221.000.000	1.181.500.000
Phí tư vấn cho dự án xi măng Công Thanh	150.000.000	150.000.000
Các khoản khác	639.968.626	647.584.545
	1.261.068.626	2.229.184.545

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	115.203.114	115.203.114
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	531.177.755
Các khoản phải trả, phải nộp khác	130.487.371	120.277.470
	245.690.485	766.658.339
<i>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>121.203.114</i>	<i>646.380.869</i>
Dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	17.820.000.000
	-	17.820.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Quỹ khác thuộc	Lỗi	Cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	tài chính	vốn chủ sở hữu	lũy kế	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	42.352.900.000	600.845.390	-	448.600.139	(5.854.821.066)	37.547.524.463
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.295.820.745	1.295.820.745
Phân phối các quỹ	-	-	28.212.121	-	(564.242.411)	(536.030.290)
Số dư tại ngày 31/12/2014	42.352.900.000	600.845.390	28.212.121	448.600.139	(5.123.242.732)	38.307.314.918
Phân loại lại theo TT 200	-	28.212.121	(28.212.121)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	42.352.900.000	629.057.511	-	448.600.139	(5.123.242.732)	38.307.314.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.230.409.313	2.230.409.313
Phân phối các quỹ (*)	-	64.791.037	-	-	(64.791.037)	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	42.352.900.000	693.848.548	-	448.600.139	(2.957.624.456)	40.537.724.231

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 148/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án chia lợi nhuận năm 2014 theo quy chế tài chính của Công ty. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2014 được trích 5% vào Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 64.791.037 VND.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	4.235.290	4.235.290

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 9 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND, tương đương 4.235.290 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng		Vốn đã góp tại ngày	
	nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.960.000.000	51,85	21.960.000.000	18.360.000.000
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	5.761.200.000	13,60	5.761.200.000	5.761.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.040.000.000	11,90	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.018.100.000	11,85	5.018.100.000	5.018.100.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	3.600.000.000	8,50	3.600.000.000	3.600.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	-	-	3.600.000.000
Cổ đông khác	973.600.000	2,30	973.600.000	973.600.000
	42.352.900.000	100	42.352.900.000	42.352.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	152.837.663	-
Công ty Cổ phần Liên Minh	152.837.663	-

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	36.217.798.979	32.257.710.699
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.635.168.198	39.203.058.929
	<u>70.852.967.177</u>	<u>71.460.769.628</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	69.024.598
	<u>-</u>	<u>69.024.598</u>
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 28)</i>	<i>56.156.770.597</i>	<i>62.545.708.376</i>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.647.929	182.768.575
Chi phí nhân công	13.162.781.573	13.206.900.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.757.430	701.714.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.073.552.838	19.478.146.366
Chi phí khác bằng tiền	16.071.852.768	22.908.600.057
	<u>41.846.592.538</u>	<u>56.478.129.375</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	891.248.654	1.117.676.021
	<u>891.248.654</u>	<u>1.117.676.021</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.966.482.864	4.959.019.821
Lương, thưởng và các khoản trích theo lương	4.358.650.031	4.791.237.556
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.304.150.414	4.325.118.751
	12.629.283.309	14.075.376.128
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Lương, thưởng và các khoản trích theo lương	886.456.012	990.955.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.151.366	533.775.293
Các khoản chi phí bán hàng khác	352.448.263	552.896.519
	1.432.055.641	2.077.626.883

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.737.021.950	1.295.820.745
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	965.992.100	1.078.452.391
Tổng thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh	3.703.014.050	2.374.273.136
Lỗ mang sang từ năm trước	(1.400.229.336)	(2.374.273.136)
Thu nhập tính thuế	2.302.784.714	-
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	506.612.637	-

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.230.409.313	1.295.820.745
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.230.409.313	1.295.820.745
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.235.290	4.235.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	527	306

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết như sau:

- Thuê 645 m² văn phòng tại tầng 17, tòa cao ốc văn phòng Icon 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội với thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2012.
- Thuê 159 m² văn phòng tại tầng 10, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn góp của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	24.130.971.520	21.340.556.155
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	40.537.724.231	38.307.314.918
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.130.971.520	21.340.556.155
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu khác	21.681.514.859	30.158.466.093
Tổng cộng	<u>45.812.486.379</u>	<u>51.499.022.248</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	16.445.355.729	42.123.651.847
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.261.068.626	2.229.184.545
Tổng cộng	<u>17.706.424.355</u>	<u>44.352.836.392</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo đó Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 2.625.183.550 VND. Bên cạnh đó, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 28.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.130.971.520	-	24.130.971.520
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu khác	20.527.175.059	1.154.339.800	21.681.514.859
Tổng cộng	44.658.146.579	1.154.339.800	45.812.486.379
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	16.445.355.729	-	16.445.355.729
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.261.068.626	-	1.261.068.626
Tổng cộng	17.706.424.355	-	17.706.424.355
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.951.722.224	1.154.339.800	28.106.062.024
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.340.556.155	-	21.340.556.155
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu khác	29.974.461.293	184.004.800	30.158.466.093
Tổng cộng	51.315.017.448	184.004.800	51.499.022.248
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	24.303.651.847	17.820.000.000	42.123.651.847
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.229.184.545	-	2.229.184.545
Tổng cộng	26.532.836.392	17.820.000.000	44.352.836.392
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.782.181.056	(17.635.995.200)	7.146.185.856

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Mối liên quan
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Công ty mẹ Tập đoàn
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Bên góp vốn
Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình đầu khí biển PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí PVIEP	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban QLDA Điện lực Long Phú-Sông Hậu	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro - Trung tâm thông tin liên lạc	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trường Đại học Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC - HN)	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Viện Dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMG-Miền Trung	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Viện dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Quản lý Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	56.156.770.597	62.545.708.376
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	32.465.754.970	34.070.492.341
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	14.230.308.818	9.549.354.460
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.396.381.569	9.371.572.648
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí PVEP	2.625.385.000	966.322.000
Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.860.000.000	1.860.000.000
Một số bên liên quan khác	1.578.940.240	6.727.966.927

Giá trị mua hàng	902.396.284	2.862.982.269
Viện Dầu khí Việt Nam	336.099.904	324.021.600
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	214.418.991	320.590.684
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	191.509.785	-
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội	112.413.443	-
Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	47.696.400	41.817.600
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	257.761	1.897.720.331
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	278.832.054

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	662.437.500	1.045.575.892

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	7.936.986.868	19.671.031.678
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.901.441.386	2.414.792.178
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	3.033.131.940	7.592.479.424
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	647.095.000	647.095.000
Một số bên liên quan khác	355.318.542	9.016.665.076
Phải thu khác	1.646.068.395	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.646.068.395	-
Phải trả nhà cung cấp	225.183.919	761.313.652
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	111.559.859	-
Viện Dầu khí Việt Nam	95.705.940	162.010.800
Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	17.918.120	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	599.302.852
Phải trả ngắn hạn khác	121.203.114	646.380.869
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	115.203.114	115.203.114
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	6.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)	-	531.177.755
Phải trả dài hạn khác	-	17.820.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	17.820.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

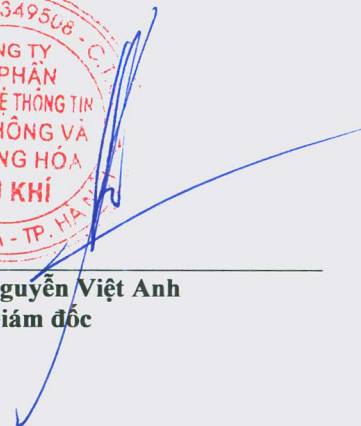
Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Phải thu khách hàng	131	30.661.189.920	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	30.661.189.920	Đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	1.466.781.882	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.466.781.882	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	235.833.356	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.072.084.792	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.836.251.436	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại và đổi mã số
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	184.004.800	Phân loại lại và đổi mã số
6. Tài sản dài hạn khác	268	184.004.800	6. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	23.640.228.978	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23.640.228.978	Đổi tên và đổi mã số
3. Người mua trả tiền trước	313	483.226.421	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	235.500.000	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
4. Chi phí phải trả	316	2.229.184.545	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.229.184.545	Đổi tên và đổi mã số
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	766.658.339	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	766.658.339	Đổi tên
6. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	247.726.421	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
7. Phải trả dài hạn khác	333	17.820.000.000	7. Phải trả dài hạn khác	337	17.820.000.000	Đổi mã số
8. Vốn điều lệ	411	42.352.900.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	42.352.900.000	Đổi tên
9. Quỹ đầu tư phát triển	417	600.845.390	9. Quỹ đầu tư phát triển	418	629.057.511	Phân loại lại và đổi mã số
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	28.212.121	Không có chi tiêu tương ứng			Phân loại lại
III. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			2014			
Thay đổi các khoản phải thu	09	(11.904.967.397)	Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.308.059.136)	Phân loại lại
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	79.915.898	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	Phân loại lại và đổi mã số
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(483.007.637)	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	Phân loại lại và đổi mã số


Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

